

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 27/9/2024  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN D K - KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Công Luận

Ông Đinh Gia Bảo

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện huyện D K, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa: 54/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H - sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ 4, thôn V C, xã S H, huyện D K, Khánh Hòa.

Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

\* Bị đơn: Ông Ngô Văn Nh - sinh năm 1969;

Địa chỉ: Tổ 4, thôn V C, xã S H, huyện D K, Khánh Hòa.

Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 4 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Bà và ông Ngô Văn Nh tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã S H, huyện D K vào năm 1996. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 do bất đồng quan điểm sống, không hòa giải được. Ông Nh nhiều lần ghen tuông vô cớ, xỉ vả, xúc phạm, đòi đánh bà trong khi bản thân bà không làm gì có lỗi, từ đó dẫn đến vợ chồng ngày càng xa cách. Bản thân bà cũng đã nhiều lần khuyên can, hàn gắn vợ chồng nhưng

không có kết quả. Bà và ông Nh vẫn còn chung sống với nhau nhưng mạnh ai nấy sống, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau đã gần 9 năm nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Nh, không thể nào kéo dài tình trạng hôn nhân này nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nh.

Về con chung: Bà và ông Nh có 2 con chung là Ngô Phạm Diệu N, sinh năm 1997 và Ngô Phước S, sinh ngày 24/10/2007. Con chung cháu N đã thành niên, khỏe mạnh nên bà không có yêu cầu gì, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Nh không có nợ chung.

*- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Văn Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai.*

*Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai)*

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; bị đơn không có lời khai, không đến Tòa án làm việc, vi phạm quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị H đối với ông Ngô Văn Nh. Về con chung: Ngô Phạm Diệu N, sinh năm 1997 và Ngô Phước S, sinh ngày 24/10/2007. Con chung cháu N đã thành niên, khỏe mạnh, bà H không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết; giao cháu S cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà H tự nguyện không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con. Bà H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không xét. Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Ngô Văn Nh tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Hiệp, huyện D K và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37 vào ngày 03/10/1996 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà H xác định trong thời gian chung sống giữa bà và ông Nh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông Nh ghen tuông vô cớ, xúc phạm, đòi đánh bà, từ đó dẫn đến vợ chồng ngày càng xa cách. Bản thân bà cũng đã nhiều lần khuyên can, hàn gắn vợ chồng nhưng không có kết quả. Bà và ông Nh không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau đã gần 9 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nh đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc điều này thể hiện ông Nh có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ vợ chồng, không muốn hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Bà H và ông Nh có 02 con chung là Ngô Phạm Diệu N, sinh năm 1997 và Ngô Phước S, sinh ngày 24/10/2007. Con chung cháu N đã thành niên, khỏe mạnh, bà H không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết; còn cháu S thì bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Sang có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật. Ghi nhận việc bà H tự nguyện không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không giải quyết. Do bị đơn ông Ngô Văn Nh chưa có lời khai về vấn đề này nên nếu sau này đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Ngô Văn Nh.

2. Về con chung: Ngô Phạm Diệu N, sinh năm 1997 đã thành niên, khỏe mạnh nên không xem xét, giải quyết; giao con chung cho Ngô Phước S, sinh ngày 24/10/2007 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà H tự nguyện không yêu cầu ông Nh

cấp dưỡng nuôi con. Ông Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, bà H, ông Nh có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không giải quyết. Do bị đơn ông Ngô Văn Nh chưa có lời khai về vấn đề này nên nếu sau này đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D K, tỉnh Khánh Hòa theo biên lai thu tiền số 0001254 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D K. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D K;
- Chi cục THADS huyện D K;
- UBND xã S H (Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 03/10/1996);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**